SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐÀ NẴNG

Số: 1008 /DDS-HCTH

V/v mời tham gia chào phí lựa chọn đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ "Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt cho tài sản tại Trung tâm lưu trữ lịch sử cơ sở 2, đường Nguyễn Hoàng, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Quý Cơ quan, đơn vị

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ chiến lược Đà Nẵng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-DDS ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ chiến lược Đà Nẵng về việc phê duyệt dự toán kinh phí nhiệm vụ quản lý, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin dùng chung của thành phố Đà Nẵng trong năm 2026

Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ chiến lược Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trung tâm DDS) đang có nhu cầu lựa chọn đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ "vụ "Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt cho tài sản Tại Trung tâm lưu trữ lịch sử cơ sở 2, đường Nguyễn Hoàng, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng năm 2026", cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt cho tài sản Tại Trung tâm lưu trữ lịch sử cơ sở 2, đường Nguyễn Hoàng, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng năm 2026

2. Phạm vi cung cấp

Khi tổn thất xảy ra thuộc phạm vi bảo hiểm, các hạng mục bị tổn thất sẽ được thay thế bằng một hạng mục mới cùng chủng loại, công suất, cùng kích thước hoặc một hạng mục tương đương với hạng mục cũ với điều kiện số tiền bồi thường không vượt quá số tiền bảo hiểm (áp dụng đối với các hạng mục có thời gian đã sử dụng dưới 5 năm tính từ thời điểm thiết bị đó được bàn giao đưa vào sử dụng).

3. Tổng giá trị tài sản: **87.477.834.785** đồng (Tám mươi bảy tỉ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi bốn ngàn, bảy trăm tám lăm đồng)

(Đính kèm Bảng tổng hợp giá trị tài sản tham gia bảo hiểm**)**

4. Loại hợp đồng: Trọn gói

5. Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày

6. Địa điểm thực hiện: Trung tâm lưu trữ lịch sử cơ sở 2, đường Nguyễn Hoàng, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

Nhằm đảm bảo việc lựa chọn nhà thầu khách quan, công bằng, minh bạch, tạo thu hút sự tham gia cạnh tranh rộng rãi giữa các đơn vị, Trung tâm DDS kính đề nghị Quý Công ty có đủ năng lực và điều kiện thực hiện dịch vụ gửi báo phí và hồ sơ năng lực về Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ chiến lược Đà Nẵng Nẵng theo thông tin như sau:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ chiến lược Đà Nẵng.

- Địa chỉ: Số 02 Quang Trung, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Số điện thoại: 0236 3888 414, thư điện tử: phcth-dds@danang.gov.vn.

Thời gian nhận bản chào phí: trước 17h00 ngày 26 tháng 6 năm 2026.

Vậy, Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ chiến lược Đà Nẵng kính gửi Quý đơn vị được biết và quan tâm tham gia theo quy định./.

Nơi nhận:
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm LPBank;
- Công ty cổ phần bảo hiểm ngân hàng Nông Nghiệp (ABIC);
- Cty Bảo hiểm Mic Nam Đà Nẵng;
- Lưu: VT, HCTH. Sơn

GIÁM ĐỐC

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC ĐÀ NẴNG

Trương Thanh Bình

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ TÀI SẢN THAM GIA BẢO HIỂM

(Đính kèm Công văn số 1008 */DDS-HCTH ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Chuyển đổi số và Công nghệ chiến lược Đà Nẵng)*

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Nguyên giá TSCĐ	Giá trị còn lại
	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH					
	Hệ thống Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam theo QĐ số 211/QĐ-UBND ngày 20/01/2022				***14.851.060.000***	***6.095.285.650***
152	*Hệ thống thiết bị lưu trữ SAN*	*TS0157*	*2022*	*1*	*1.032.877.000*	*413.150.800*
156	*Hệ thống UPS 40k VA*	*TS0161*	*2022*	*2*	*893.424.000*	*357.369.600*
157	*Hệ thống điều hòa cho phòng máy chủ, công suất : 100.000 BTU*	*TS0162*	*2022*	*2*	*192.937.000*	*77.174.800*
158	*Hệ thống điều hòa cho phòng NOC, công suất : 8.500 BTU*	*TS0163*	*2022*	*1*	*13.508.000*	*5.403.200*
163	*Hệ thống phòng cháy chữa cháy*	*TS0168*	*2022*	*1*	*698.785.000*	*279.514.000*
165	*Hệ thống máy chủ*	*TS0170*	*2022*	*1*	*7.106.969.000*	*2.842.787.600*
166	*Hệ thống lưu trữ, backup*	*TS0171*	*2022*	*1*	*2.394.366.000*	*957.746.400*
167	*Hệ thống thiết bị mạng*	*TS0172*	*2022*	*1*	*2.518.194.000*	*1.007.277.600*
169	Thiết bị máy chủ tổng đài Cisco Business Edition 6000M (M5) Appliance, Export Restr SW_BE6M-M5-K9	TS0174	2023	1	344.137.000	154.861.650
	Nâng cấp triển khai hệ thống lưu trữ điện tử dùng chung của tỉnh và hệ thống ký số tập trung (Theo QĐ số 2856/QĐ-UBND ngày 29/11/2024)				***23.348.846.195***	***18.679.076.957***
171	*Thiết bị chuyển mạch trung tâm (Switch Core)*	*TS0176*	*2024*	*2*	*1.522.623.529*	1.218.098.823
172	*Thiết bị định tuyến TTDL (Router)*	*TS0177*	*2024*	*1*	*589.138.181*	471.310.545
173	*Thiết bị tường lửa lớp trong (Internal Firewall) - License cập nhật 03 năm*	*TS0178*	*2024*	*2*	*5.294.044.886*	4.235.235.909
174	*Máy chủ ảo hoá cho hệ thống Chassis Synergy 12000*	*TS0179*	*2024*	*14*	*9.838.490.495*	7.870.792.396

175	*Hệ thống SAN Storage phục vụ cho dự án số hoá của tỉnh*	*TS0180*	*2024*	*1*	*2.693.872.398*	2.155.097.918
176	*Hệ thống thư viện băng từ Backup Tape*	*TS0181*	*2024*	*1*	*386.512.127*	309.209.702
177	*Ram 32GB DDR4-2666*	*TS0182*	*2024*	*38*	*1.023.671.511*	818.937.209
178	*Module 10Gb Cisco Uplink Switch Cisco*	*TS0183*	*2024*	*2*	*91.357.412*	73.085.930
179	*Hệ thống cân bằng tải cho các ứng dụng Web Application - License 01 năm*	*TS0184*	*2024*	*2*	*1.909.135.656*	1.527.308.525
	Dự án: Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 theo QĐ số 3257/QĐ-UBND ngày 31/12/2024				***125.242.466.000***	***100.193.972.800***
186	*Sàn nâng kỹ thuật*	*TS0191*	*2024*	*1*	*307.171.000*	*245.736.800*
187	*Hệ thống máy phát điện dự phòng*	*TS0192*	*2024*	*1*	*951.758.000*	*761.406.400*
188	*Hệ thống phân phối điện*	*TS0193*	*2024*	*1*	*699.411.000*	*559.528.800*
189	*Hệ thống UPS*	*TS0194*	*2024*	*1*	*1.895.911.000*	*1.516.728.800*
190	*Hệ thống làm mát phòng máy chủ*	*TS0195*	*2024*	*1*	*1.926.229.000*	*1.540.983.200*
191	*Hệ thống kiểm soát ra/vào*	*TS0196*	*2024*	*1*	*68.387.000*	*54.709.600*
192	*Hệ thống Camera giám sát*	*TS0197*	*2024*	*1*	*101.440.000*	*81.152.000*
193	*Hệ thống đo nhiệt độ, độ ẩm*	*TS0198*	*2024*	*1*	*135.634.000*	*108.507.200*
194	*Hệ thống Vách ngăn, cửa phòng*	*TS0199*	*2024*	*1*	*48.679.000*	*38.943.200*
195	*Hệ thống tiếp địa*	*TS0200*	*2024*	*1*	*89.473.000*	*71.578.400*
196	*Hệ thống cắt lọc sét*	*TS0201*	*2024*	*1*	*178.490.000*	*142.792.000*
197	*Hệ thống phòng cháy, chữa cháy*	*TS0202*	*2024*	*1*	*739.137.000*	*591.309.600*
198	*Hệ thống chiếu sáng, ổ cắm điện*	*TS0203*	*2024*	*1*	*14.548.000*	*11.638.400*
199	*Thang máng cáp*	*TS0204*	*2024*	*1*	*44.451.000*	*35.560.800*
200	*Tủ rack network*	*TS0205*	*2024*	*2*	*125.911.000*	*100.728.800*
201	*Tủ rack server*	*TS0206*	*2024*	*4*	*233.168.000*	*186.534.400*
202	*Hệ thống mạng*	*TS0207*	*2024*	*1*	*18.600.995.000*	*14.880.796.000*
203	*Hệ thống lưu trữ và xử lý dữ liệu*	*TS0208*	*2024*	*1*	*75.998.875.000*	*60.799.100.000*
204	*Bảo đảm an toàn thông tin*	*TS0209*	*2024*	*1*	*23.082.798.000*	*18.466.238.400*
Cộng					**163.442.372.195**	**124.968.335.407**

Giá trị tài sản mua bảo hiểm bằng 70% giá trị còn lại, tương ứng 87,477,834,785 đồng